

Số/No: 23/TN5/0907-11.....

Trang/Page: 1/1...

VIMCERTS 093/2023/0704

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải công nghiệp quạt hút phía Bắc.
Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
Ngày lấy mẫu, quan trắc: 25/05/2023.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 01/06/2023.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCTĐHN 01:2014/BTNMT ($K_p = 1,0$; $K_v = 0,7$)	Kết quả
1	SO ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 6	≤ 350	KPH (GHPH = 10,0)
2	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	US EPA Method 7	≤ 595	KPH (GHPH = 10,0)
3	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	≤ 700	KPH (GHPH = 10,0)
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 140	< 15,0
5	H ₂ S	mg/Nm ³	IS 11255 (part 4):2006	≤ 5,25	KPH (GHPH = 0,5)
6	HCl	mg/Nm ³	TCVN 7244:2003	≤ 35	KPH (GHPH = 0,50)
7	THC	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	-	KPH (GHPH = 1,0)

Ghi chú: - QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;
 - K_p: Hệ số lưu lượng nguồn thải; K_v: Hệ số vùng, khu vực;
 - KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; -: Không quy định.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
 This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 23/TN5/0907-12

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2023/0705

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải công nghiệp quạt hút phía Nam.
Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
Ngày lấy mẫu, quan trắc: 25/05/2023.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 01/06/2023.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCTĐHN 01:2014/BTNMT ($K_p = 1,0$; $K_v = 0,7$)	Kết quả
1	SO ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 6	≤ 350	KPH (GHPH = 10,0)
2	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	US EPA Method 7	≤ 595	KPH (GHPH = 10,0)
3	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	≤ 700	KPH (GHPH = 10,0)
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 140	< 15,0
5	H ₂ S	mg/Nm ³	IS 11255 (part 4):2006	≤ 5,25	KPH (GHPH = 0,5)
6	HCl	mg/Nm ³	TCVN 7244:2003	≤ 35	KPH (GHPH = 0,50)
7	THC	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	-	KPH (GHPH = 1,0)

Ghi chú: - QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;
 - K_p : Hệ số lưu lượng nguồn thải; K_v : Hệ số vùng, khu vực;
 - KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; -: Không quy định.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
 This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 23/TN5/0907-01.....

Trang/Page: 1/1....

VIMCERTS 093/2023/0694

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh (không khí ngoài trời) khu vực cổng Công ty.
Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
Ngày lấy mẫu, quan trắc: 25/05/2023.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 01/06/2023.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	SO ₂	µg/m ³	MASA Method 704A	≤ 350	43,8
2	NO ₂	µg/m ³	MASA Method 406	≤ 200	40,1
3	CO	µg/m ³	TN5/HD.HT/06	≤ 30000	KPH (GHPH = 3000)
4	HCl	µg/m ³	NIOSH Method 7907	≤ 60	KPH (GHPH = 5,0)
5	H ₂ S	µg/m ³	MASA Method 701	≤ 42	KPH (GHPH = 10,0)
6	THC	µg/m ³	NIOSH Method 1500	≤ 5000	KPH (GHPH = 150)
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	≤ 300	184
8	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 70	68,6

Ghi chú:

- Giới hạn SO₂, NO₂, CO, Tổng bụi lơ lửng (TSP) theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- Giới hạn HCl, H₂S, THC theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- Giới hạn Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
 This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 23/TN5/0907-02

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2023/0695

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh (không khí ngoài trời) khu vực cuối Công ty.
Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
Ngày lấy mẫu, quan trắc: 25/05/2023.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 01/06/2023.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	SO ₂	µg/m ³	MASA Method 704A	≤ 350	44,0
2	NO ₂	µg/m ³	MASA Method 406	≤ 200	42,1
3	CO	µg/m ³	TN5/HD.HT/06	≤ 30000	KPH (GHPH = 3000)
4	HCl	µg/m ³	NIOSH Method 7907	≤ 60	KPH (GHPH = 5,0)
5	H ₂ S	µg/m ³	MASA Method 701	≤ 42	KPH (GHPH = 10,0)
6	THC	µg/m ³	NIOSH Method 1500	≤ 5000	KPH (GHPH = 150)
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	≤ 300	175
8	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 70	60,2

Ghi chú:

- Giới hạn SO₂, NO₂, CO, Tổng bụi lơ lửng (TSP) theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- Giới hạn HCl, H₂S, THC theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- Giới hạn Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

**TRƯỜNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
 This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 23/TN5/0907-03

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2023/0696

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí môi trường lao động trong xưởng sản xuất – Line C đầu máy M89.
Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
Ngày lấy mẫu, quan trắc: 25/05/2023.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 01/06/2023.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	18 đến 32	30,1
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	40 đến 80	77,0
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2 đến 1,5	1,1
4	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	≤ 8,0	0,238
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	80,1
6	CO	mg/m ³	TN5/HD.HT/06	≤ 40	KPH (GHPH = 3,0)
7	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704A	≤ 10	0,047
8	NO ₂	mg/m ³	MASA Method 406	≤ 10	0,045
9	THC	mg/m ³	NIOSH Method 1500	≤ 300	KPH (GHPH = 0,150)
10	HCl	mg/m ³	NIOSH Method 7907	≤ 7,5	KPH (GHPH = 0,005)
11	CO ₂	mg/m ³	TN5/HD.HT/227	≤ 18000	874

Ghi chú:

- Giới hạn **Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động không khí** theo QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc (loại lao động trung bình);
- Giới hạn **Tiếng ồn** theo QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h);
- Giới hạn **Bụi** theo QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- Giới hạn **CO, SO₂, NO₂, HCl, CO₂** theo QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- Giới hạn **THC** theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
 This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 23/TN5/0907-04

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2023/0697

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí môi trường lao động trong xưởng sản xuất – Line D đầu máy M75.
Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
Ngày lấy mẫu, quan trắc: 25/05/2023.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 01/06/2023.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	18 đến 32	30,3
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	40 đến 80	76,8
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2 đến 1,5	1,0
4	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	≤ 8,0	0,205
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	75,8
6	CO	mg/m ³	TN5/HD.HT/06	≤ 40	KPH (GHPH = 3,0)
7	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704A	≤ 10	0,048
8	NO ₂	mg/m ³	MASA Method 406	≤ 10	0,047
9	THC	mg/m ³	NIOSH Method 1500	≤ 300	KPH (GHPH = 0,150)
10	HCl	mg/m ³	NIOSH Method 7907	≤ 7,5	KPH (GHPH = 0,005)
11	CO ₂	mg/m ³	TN5/HD.HT/227	≤ 18000	884

Ghi chú:

- Giới hạn **Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động không khí** theo QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc (loại lao động trung bình);
- Giới hạn **Tiếng ồn** theo QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h);
- Giới hạn **Bụi** theo QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- Giới hạn **CO, SO₂, NO₂, HCl, CO₂** theo QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- Giới hạn **THC** theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** Giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
 This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 23/TN5/0907-05

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2023/0698

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí môi trường lao động trong xưởng sản xuất – Line A đầu máy M37.
Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
Ngày lấy mẫu, quan trắc: 25/05/2023.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 01/06/2023.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	18 đến 32	30,9
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	40 đến 80	77,2
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2 đến 1,5	1,5
4	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	≤ 8,0	0,223
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	75,5
6	CO	mg/m ³	TN5/HD.HT/06	≤ 40	KPH (GHPH = 3,0)
7	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704A	≤ 10	0,051
8	NO ₂	mg/m ³	MASA Method 406	≤ 10	0,050
9	THC	mg/m ³	NIOSH Method 1500	≤ 300	KPH (GHPH = 0,150)
10	HCl	mg/m ³	NIOSH Method 7907	≤ 7,5	KPH (GHPH = 0,005)
11	CO ₂	mg/m ³	TN5/HD.HT/227	≤ 18000	853

Ghi chú:

- Giới hạn **Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động không khí** theo QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc (loại lao động trung bình);
- Giới hạn **Tiếng ồn** theo QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h);
- Giới hạn **Bụi** theo QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- Giới hạn **CO, SO₂, NO₂, HCl, CO₂** theo QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- Giới hạn **THC** theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
 This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 23/TN5/0907-06

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2023/0699

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí môi trường lao động trong xưởng sản xuất – Line B đầu máy M81.
Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
Ngày lấy mẫu, quan trắc: 25/05/2023.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 01/06/2023.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	18 đến 32	29,8
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	40 đến 80	77,2
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2 đến 1,5	1,6
4	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	≤ 8,0	0,215
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	75,7
6	CO	mg/m ³	TN5/HD.HT/06	≤ 40	KPH (GHPH = 3,0)
7	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704A	≤ 10	0,049
8	NO ₂	mg/m ³	MASA Method 406	≤ 10	0,046
9	THC	mg/m ³	NIOSH Method 1500	≤ 300	KPH (GHPH = 0,150)
10	HCl	mg/m ³	NIOSH Method 7907	≤ 7,5	KPH (GHPH = 0,005)
11	CO ₂	mg/m ³	TN5/HD.HT/227	≤ 18000	901

Ghi chú:

- Giới hạn **Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động không khí** theo QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc (loại lao động trung bình);
- Giới hạn **Tiếng ồn** theo QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h);
- Giới hạn **Bụi** theo QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- Giới hạn **CO, SO₂, NO₂, HCl, CO₂** theo QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- Giới hạn **THC** theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** Giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
 This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 23/TN5/0907-07

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2023/0700

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Môi trường lao động - khu vực kho hàng.
Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
Ngày lấy mẫu, quan trắc: 25/05/2023.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 25/05/2023.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 24:2016/BYT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	72,2

Ghi chú: - QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC



PHỤ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
 This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 23/TN5/0907-08

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2023/0701

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Môi trường lao động - khu vực phòng tái chế.
Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
Ngày lấy mẫu, quan trắc: 25/05/2023.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 25/05/2023.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 24:2016/BYT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	86,8

Ghi chú: - QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h).

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

Dặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
 This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 23/TN5/0907-09

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2023/0702

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Môi trường lao động - khu vực phòng cơ khí.
Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
Ngày lấy mẫu, quan trắc: 25/05/2023.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 25/05/2023.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 24:2016/BYT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	79,3

Ghi chú: - QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h).

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

Dặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
 This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 23/TN5/0907-10

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2023/0703

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Môi trường lao động - khu vực văn phòng.
Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
Ngày lấy mẫu, quan trắc: 25/05/2023.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 25/05/2023.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 24:2016/BYT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	57,7

Ghi chú: - QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h).

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
 This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.